

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Thái Nguyên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 199/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua phương án phân bổ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch năm 2022 và dự kiến kế hoạch năm 2023 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc cho ý kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 vốn ngân sách Trung ương; quyết định danh mục dự án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2023 thực hiện tiểu dự án 2, Dự án 10 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương; thông qua Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Thái Nguyên;

Xét Tờ trình số 70/TTr-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên và Kế hoạch đầu tư công năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 119/BC-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về giải trình, làm rõ một số nội dung trình Kỳ họp thứ mười chín, Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Thái Nguyên.

I. Nguyên tắc phân bổ

Thực hiện theo Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên; Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

II. Nội dung điều chỉnh, bổ sung

1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

1.1. Nguồn vốn ngân sách địa phương (xây dựng cơ bản tập trung)

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn từ 4.547.972 triệu đồng lên 4.555.072 triệu đồng (*tăng 7.100 triệu đồng*) từ nguồn tài trợ ngân sách tỉnh năm 2024 để bố trí vốn cho 01 dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 152.090,565 triệu đồng đối với 26 dự án và 01 nhiệm vụ hỗ trợ không còn nhu cầu bố trí vốn.

- Bổ sung kế hoạch vốn 152.090,565 triệu đồng cho 06 dự án và 01 nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cho các dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

1.2. Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh (cấp tỉnh quản lý)

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 313.181,114 triệu đồng đối với 13 dự án không còn nhu cầu bố trí vốn.

- Bổ sung kế hoạch vốn 313.181,114 triệu đồng đối với 02 dự án và 01 nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư cho các dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

1.3. Nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025

Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 24.656 triệu đồng (*vốn ngân sách Trung ương 21.440 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương 3.216 triệu đồng*) đã giao tại Phụ lục III.1 đến Phụ lục III.4 Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua phương án phân bổ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch năm 2022 và dự kiến kế hoạch năm 2023 tỉnh Thái Nguyên để bổ sung kế hoạch vốn cho 05 huyện: Đại Từ, Phú Lương, Đông Hỷ, Định Hóa, Võ Nhai.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

2. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2024

2.1. Nguồn vốn ngân sách địa phương (xây dựng cơ bản tập trung)

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn từ 982.461 triệu đồng lên 989.561 triệu đồng (*tăng 7.100 triệu đồng*) từ nguồn tài trợ ngân sách tỉnh năm 2024 để bố trí vốn cho 01 dự án chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 64.233,300 triệu đồng đối với 08 dự án chuyên tiếp hoàn thành trong và sau năm 2024; 01 nhiệm vụ hỗ trợ và 01 nhiệm vụ đầu tư.

- Bổ sung kế hoạch vốn 64.233,300 triệu đồng cho 08 dự án.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

2.2. Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất trên địa bàn tỉnh (cấp tỉnh quản lý)

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 65.206,395 triệu đồng đối với 05 dự án chuyên tiếp hoàn thành trong và sau năm 2024, 01 nhiệm vụ đầu tư.

- Bổ sung kế hoạch vốn 65.206,395 triệu đồng cho 04 dự án.

(Chi tiết tại Phụ lục V kèm theo)

2.3. Nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025

Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 1.150 triệu đồng (*vốn ngân sách Trung ương 1.000 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương 150 triệu đồng*) đã giao tại Phụ lục III và Phụ lục VI Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương; thông qua Kế hoạch đầu tư công tỉnh Thái Nguyên năm 2024 để bổ sung kế hoạch vốn cho huyện Định Hóa.

(Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan, đồng thời chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, số liệu các dự án.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười chín thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2024./.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

Phụ lục I												
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TỈNH THÁI NGUYÊN												
NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG)												
<i>(Kèm theo Nghị quyết số 45 /NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)</i>												
												<i>Đơn vị tính: Triệu đồng</i>

	Danh mục dự án chương trình	Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn					Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương							
A	ĐIỀU CHỈNH TĂNG TỔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025					4.547.972				7.100	4.555.072	
I	Nguồn vốn bổ sung									7.100		Nguồn tài trợ ngân sách tỉnh năm 2024
II	Phân bổ chi tiết nguồn vốn bổ sung					0				7.100	7.100	
a	Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cho dự án					0				7.100	7.100	

*	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</i>												
1	Xây dựng Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Lê Hồng Phong	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 27/6/2024	7.100	7.100	0					7.100	7.100		
B	ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025		4.747.015	457.208	2.804.284	529.340,621	214.661,916	321.910,114	152.090,565	152.090,565	529.340,621		
B.1	ĐIỀU CHỈNH GIÁM KẾ HOẠCH VỐN		3.496.119	441.000	1.591.374	470.539	188.742,916	287.189,114	152.090,565		318.448,056		
I	An ninh và trật tự, an toàn xã hội		95.500	78.370	17.130	17.130,000	11.803,000	11.803,000	5.297,000		11.833,000		
a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025		95.500	78.370	17.130	17.130,000	11.803,000	11.803,000	5.297,000		11.833,000		
*	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2025</i>												
1	Cơ sở làm việc Công an huyện Định Hóa thuộc Công an tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 1101/QĐ-BCA-H01 ngày 07/3/2023; số 1687/QĐ-BCA-H02 ngày 31/3/2023	95.500	78.370	17.130	17.130,000	11.803,000	11.803,000	5.297,000		11.833,000	Công an tỉnh	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
II	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		697.630	15.000	638.711	146.362,000	70.262,760	102.814,345	22.385,455		123.976,545		

a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025												
*	Dự án hoàn thành đã quyết toán												
1	Trường THPT Chuyên Thái Nguyên	Quyết định số 2316/QĐ-UBND ngày 09/9/2016; Quyết định phê duyệt Quyết toán số 2856/QĐ-UBND ngày 16/9/2020	237.717	15.000	222.717	13.176,000	0	12.902,000	261,000		12.915,000	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
2	Mở rộng, nâng quy mô Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Phú Lương	Quyết định số 3023/QĐ-UBND ngày 29/9/2017; Quyết định phê duyệt Quyết toán số 3246/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	23.374		23.374	4.206,000	0	4.037,000	169,000		4.037,000	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
3	Mở rộng, nâng quy mô Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh	Quyết định số 3024/QĐ-UBND ngày 29/9/2017; Quyết định phê duyệt Quyết toán số 1196/QĐ-UBND ngày 31/5/2023	35.525		35.525	33.567,000	0	31.727,064	30,936		33.536,064	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
4	Chương trình phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2	Quyết định số 3864/QĐ-UBND ngày 17/12/2018; Quyết định số 3865/QĐ-UBND ngày	253.626		228.877	763,000	0	643,000	120,000		643,000	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn

		17/12/2018; Quyết định phê duyet quyết toán số: 4036/QĐ- UBND ngày 17/12/2021; số 3945/QĐ- UBND ngày 10/12/2021											
5	Giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất giai đoạn II	Quyết định số 3011/QĐ- UBND ngày 02/11/2015; số 338/QĐ- UBND ngày 21/10/2019; số 3395/QĐ- UBND ngày 22/10/2019; Quyết định phê duyet quyết toán số: 3302/QĐ- UBND ngày 22/10/2021; số 3306/QĐ- UBND ngày 22/10/2021; số 2370/QĐ- UBND ngày 30/9/2023	25.470		6.300	1.008,000	0	785,312	222,688		785,312	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dự án khôn g còn nhu cầu bố trí vốn
*	Dự án đã hoàn thành												
1	Xây dựng Trường THPT Đội Cán, huyện Đại Từ	Quyết định số 1212/QĐ- UBND ngày 08/5/2019	98.600		98.600	65.642,000	68.778,000	47.219,969	16.900,000		48.742,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tinh	Dự án khôn g còn nhu cầu bố trí vốn

												Thái Nguyên	
*	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2024</i>												
1	Xây dựng Nhà đa năng, nhà lớp học 6 phòng Trường THPT Hoàng Quốc Việt	Nghi quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	8.090		8.090	10.000,000	283,000	200,000	1.910,000		8.090,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Điều chỉnh giám cho phù hợp với tổng mức đầu tư
2	Xây dựng Nhà đa năng Trường THPT Trần Phú	Nghi quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 2839/QĐ-UBND ngày 11/11/2023	4.779		4.779	6.000,000	535,000	1.700,000	1.220,847		4.779,153	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Điều chỉnh giám cho phù hợp với tổng mức đầu tư

3	Xây dựng Nhà đa năng Trường THPT Khánh Hòa	Nghi quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 2838/QĐ-UBND ngày 11/11/2023; số 394/QĐ-UBND ngày 28/02/2024	4.945		4.945	6.000,000	282,760	1.800,000	1.055,000	4.945,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Điều chỉnh giám cho phù hợp với tổng mức đầu tư
4	Dự án mở rộng, nâng cấp quy mô Trường Trung học phổ thông Trại Cau, huyện Đồng Hỷ	Nghi quyết số 71/NQ-HĐND ngày 31/8/2023; Quyết định số 2840/QĐ-UBND ngày 11/11/2023	5.504		5.504	6.000,000	384,000	1.800,000	495,984	5.504,016	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Điều chỉnh giám cho phù hợp với tổng mức đầu tư
III	Bảo vệ môi trường		160.256		23.976	8.620,000	7.178,000	7.178,000	1.001,000	7.619,000		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025											
*	Dự án đã hoàn thành											
1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 2833/QĐ-UBND ngày 28/6/2016; Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 26/4/2021	160.256		23.976	8.620,000	7.178,000	7.178,000	1.001,000	7.619,000	Sở Tài nguyên và Môi trường	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn

1	Củng cố, nâng cấp tuyến đê Chã, huyện Phò Yên (đoạn từ đầu đường ứng cứu đến K3+100)	Quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 25/10/2013; Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 9/11/2017; số 3295/QĐ-UBND ngày 22/12/2023	147.241	89.641	57.600	15.471,000	13.471,000	13.471,000	2.000,000		13.471,000	Chi cục Thủy lợi	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ đi dân, tái định cư xóm Yên Thái, xã Tân Thái, huyện Đại Từ	Quyết định số 3493/QĐ-UBND ngày 03/11/2020	9.947		9.947	9.947,000	0,00	0,00	9.947,000		0,00	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên	Dự án đã dừng thực hiện đầu tư
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025												
1	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thái Nguyên	Nghi quyết số 80/NQ-HĐND ngày 21/6/2021	723.000	100.000	100.000	100,000	0	0	100,000		0,00	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Dự án đã dừng hoàn thiện thủ tục đầu tư
IV.2	Giao thông		330.484	64.867	202.842	104.330	8.383,000	52.276,632	51.856,000		52.474,000		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025												

*	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2024</i>												
1	Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Thành phố Thái Nguyên	Quyết định số 3025/QĐ-UBND ngày 11/11/2016; Quyết định số 2303/QĐ-UBND ngày 11/10/2012; Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	950.488	252.717	9.200,000	0	0	5.205,000	3.995,000	Công ty TNHH MTV thoát nước và phát triển hạ tầng đô thị tỉnh Thái Nguyên	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thi công		
IV.4	Quy hoạch		51.178	51.178	52.703,100	50.183,635	50.183,635	2.114,110	50.588,990				
a	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025</i>												
*	<i>Dự án hoàn thành đã quyết toán</i>												
1	Lập Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên, thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 23/9/2020; Quyết định phê duyệt quyết toán số 1249/QĐ-UBND ngày 11/6/2024	51.178	51.178	52.703,100	50.183,635	50.183,635	2.114,110	50.588,990	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Dự án đã quyết toán, không còn nhu cầu bố trí vốn		

IV.5	Hỗ trợ thực hiện chính sách và bổ sung các quỹ ngoài ngân sách; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn					50.000,000	0	0	48.000,000		2.000,000		
1	Hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp nông thôn theo Nghị định số 57/NĐ-CP; Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh Thái Nguyên					50.000,000	0	0	48.000,000		2.000,000		Chưa có doanh nghiệp đủ điều kiện hỗ trợ
V	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội		264.063	38.251	225.812	44.523,521	15.768,521	37.769,502	3.726,000		40.797,521		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025												
*	Dự án hoàn thành đã quyết toán												
1	Nhà đa chức năng của UBND tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 3016/QĐ-UBND ngày 29/9/2017; Quyết định phê duyệt quyết toán số 3236/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	181.288		181.288	22.580,000	0	22.000,981	220,000		22.360,000	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn

2	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 21/QĐ-TWĐTN ngày 26/12/2012; Quyết định phê duyệt quyết toán số 1879-QĐ/TWĐTN-VP ngày 29/11/2022	65.752	38.251	27.501	3.948,521	3.548,521	3.548,521	400,000		3.548,521	Tinh đoàn Thái Nguyên	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
b	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025												
*	<i>Dự án hoàn thành đã quyết toán</i>												
1	Trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ Hạt Kiểm lâm Đồng Hỷ	Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 11/6/2021; Quyết định số 3129/QĐ-UBND ngày 07/10/2021; Quyết định phê duyệt quyết toán số 2409/QĐ-UBND ngày 04/10/2023	14.154		14.154	12.995,000	12.020,000	12.020,000	975,000		12.020,000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
*	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2024</i>												

*	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2025</i>												
1	Cải tạo nâng cấp các hồ đập trên địa bàn tỉnh	Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	149.017		149.017	50.000,000	25.919,000	25.919,000		19.142,273	69.142,273	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên	Dự án đã có khối lượng, cần bố trí vốn để thanh toán
II.2	Giao thông		627.096		627.096	0	0	0		50.000,000	50.000,000		
a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025												
*	<i>Dự án hoàn thành sau năm 2025</i>												
1	Tuyến đường kết nối từ đường Bắc Sơn đến khu liên hợp thể thao tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 25/01/2024	489.188	0	489.188	0	0	0		30.000,000	30.000,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Thái Nguyên	Dự án ưu tiên bố trí vốn để thực hiện trong giai đoạn trung hạn
*	<i>Dự án hoàn thành trong năm 2025</i>												

*	<i>Dự án hoàn thành trong năm 2025</i>												
1	Xây dựng 46 trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/6/2024	352.457		330.679	0	0	0		30.000,000	30.000,000		Dự án ưu tiên bố trí vốn để thực hiện trong giai đoạn trung hạn
V	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật									20.697,000	20.697,000		
	Chuẩn bị đầu tư cho các dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030 và nhiệm vụ khác									20.697,000	20.697,000		Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất

Phụ lục II

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TỈNH THÁI NGUYÊN
NGUỒN VỐN: THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SẮP XẾP LẠI NHÀ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (CẤP TỈNH QUẢN LÝ)**

(Kèm theo Nghị quyết số 45 /NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Lũy kế khối lượng thực hiện từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Lũy kế giải ngân từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau khi điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn					Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương								
	TỔNG SỐ		2.105.385	360.764	1.678.549	912.874,000	163.534,408	163.035,501	313.181,114	313.181,114	912.874,000		
A	ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN		1.731.856	360.764	1.322.092	909.374,000	159.659,506	159.535,501	313.181,114		596.192,886		
I	Quốc phòng		30.000		30.000	29.800,000	26.786,713	26.786,713	2.958,536		26.841,464		
a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025												

*	Dự án đã hoàn thành												
1	Dự án cải tạo căn cứ chiến đấu 1, xã Phú Đô, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	30.000		30.000	29.800,000	26.786,713	26.786,713	2.958,536		26.841,464	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội		231.528	115.764	115.764	28.757,000	26.520,447	26.520,447	914,651		27.842,349		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025												
*	Dự án đã phê duyệt quyết toán												

1	Trụ sở làm việc Công an tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 391/QĐ-H41-H45 ngày 31/12/2014; Quyết định phê duyệt quyết toán số 9750/QĐ-H01-P4 ngày 29/12/2023 của Bộ Công an	231.528	115.764	115.764	28.757,000	26.520,447	26.520,447	914,651	27.842,349	Công an tỉnh	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
III	Khoa học, công nghệ		50.000		50.000	50.000,000	0	0	50.000,000	0		
a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025											
1	Xây dựng trại thực nghiệm của Trung tâm phát triển Khoa học và Công nghệ	Nghị quyết số 150/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Nghị quyết số 42/NQ/HĐND ngày 27/6/2024	50.000		50.000	50.000,000	0	0	50.000,000	0	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Dự án dừng thực hiện đầu tư

IV	Các hoạt động kinh tế		889.113	0	840.113	553.800,000	17731,00	19529,00	100.913,273		452.886,727		
IV.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		172.017	-	172.017	123.000,000	0	0	42.142,273		80.857,727		
a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025												
1	Cải tạo nâng cấp các hồ đập trên địa bàn tỉnh	Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	149.017		149.017	100.000,000	0	0	19.142,273		80.857,727	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên	Điều chỉnh giảm tương ứng với phần tăng kế hoạch từ nguồn vốn XDCB tập trung

2	Dự án Khu tái định cư tập trung vùng thiên tai có nguy cơ sạt lở đất và lũ quét xã Kim Phụng, huyện Định Hóa	Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 27/6/2024	23.000	23.000	23.000,000	0	0	23.000,000		0	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Dự án dừng thực hiện đầu tư
IV.2	Giao thông		697.096	648.096	410.800,000	16529,00	16529,00	54.271,000		356.529,000		
a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025											
1	Dự án đường nối từ tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vinh Phúc đến đường Triệu Quang Phục, thành phố Phố Yên	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 26/4/2024	137.908	137.908	90.000,000	0	0	20.000,000		70.000,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Thái Nguyên	Điều chỉnh giảm tương ứng với phần tăng kế hoạch từ nguồn vốn XDCB tập trung

2	Tuyến đường kết nối từ đường Bắc Sơn đến khu liên hợp thể thao tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 25/01/2024	489.188		489.188	300.000,000	0	0	30.000,000		270.000,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Thái Nguyên	Điều chỉnh tương ứng với phần tăng kế hoạch từ nguồn vốn XDCB tập trung
3	Dự án xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 3 cũ (Ngã tư Nam Tiến) đi trung tâm văn hóa xã Nam Tiến, thị xã Phổ Yên	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 11/12/2020; Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 14/4/2021	70.000		21.000	20.800,000	16.529,000	16.529,000	4.271,000		16.529,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Phổ Yên	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
IV.3	Công nghệ thông tin		20.000		20.000	20.000,000	1.202,000	3.000,000	4.500,000		15.500,000		
a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025												

1	Trụ sở Tiếp công dân tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 19/5/2021; Quyết định số 3005/QĐ-UBND ngày 23/9/2021; Quyết định phê duyệt quyết toán số 3235/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	18.699		18.699	20.000,000	18.699,000	18.631,910	1.300,000		18.700,000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Dự án đã hoàn thành phê duyệt quyết toán
2	Trụ sở Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh và một số cơ quan	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19/5/2021; Quyết định số 3897/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	90.000		90.000	90.000,000	69.922,346	68.067,432	20.077,654		69.922,346	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Dự án đã hoàn thành, đang hoàn thiện hồ sơ trình quyết toán, không còn nhu cầu bố trí vốn
3	Xây dựng kho lưu trữ chuyên dụng của tỉnh và trụ sở làm việc trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 26/4/2024	72.516,00		72.516	32.017,000	0	0	32.017,000		0	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	Điều chỉnh giảm tương ứng với phần tăng kế hoạch từ nguồn vốn XDCB tập trung

												Thái Nguyên	
VI	Xã hội		350.000	245.000	105.000	105.000,000	0	0	105.000,000		0		
a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025												
1	Cải tạo, nâng cấp mở rộng Trung tâm điều dưỡng người có công và người cao tuổi tỉnh Thái Nguyên (Giai đoạn 1)	Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 12/8/2021	350.000	245.000	105.000	105.000,000	0	0	105.000,000		0	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Dự án dừng thực hiện đầu tư
B	ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH VỐN		373.529		356.457	3.500,000	3.874,902	3.500,000	0,00	313.181,114	316.681,114		
I	Quốc phòng		21.072		4.000	3.500,000	3.874,902	3.500,000	0,00	374,902	3.874,902		

a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025												
*	Dự án đã phê duyệt quyết toán												
1	Hạng mục còn lại Cơ quan Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 2570/QĐ-BTL 30/11/2018; Quyết định phê duyệt quyết toán số 3904/QĐ-QK ngày 29/11/2023	21.072	17.072	4.000	3.500,000	3.874,902	3.500,000		374,902	3.874,902	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Bổ trí vốn để tái toán dự án
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội		352.457		352.457	0	0	0	0	300.679,000	300.679,000		
a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025												
*	Dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2025												

1	Xây dựng 46 trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 27/6/2024	352.457	352.457	0	0	0	300.679,000	300.679,000	Dự án ưu tiên bố trí vốn để thực hiện trong giai đoạn trung hạn
III	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật				0			12.127,212	12.127,212	
	Chuẩn bị đầu tư cho các dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030 và nhiệm vụ khác				0			12.127,212	12.127,212	Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất

Phụ lục III

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG, NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 45 /NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025						Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 sau khi điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Tăng			Giảm			Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	
					Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh				
I	Tiểu dự án 1, dự án 5	82.547	74.068	8.479	24.656	21.440	3.216	24.656	21.440	3.216	82.547	74.068	8.479	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	24.656	21.440	3.216				24.656	21.440	3.216	0,00	0,00	0,00	Vốn đã giao từ Phụ lục III.1 đến Phụ lục III.4 Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh
2	Huyện Đại Từ	3.740	3.400	340	1.593	1.385	208				5.333	4.785	548	
3	Huyện Phú Lương	1.894	1.722	172	806	701	105				2.700	2.423	277	

4	Huyện Đồng Hỷ	15.726	14.296	1.430	6.698	5.824	874				22.424	20.120	2.304
5	Huyện Định Hóa	7.997	7.270	727	3.406	2.962	444				11.403	10.232	1.171
6	Huyện Võ Nhai	28.534	25.940	2.594	12.153	10.568	1.585				40.687	36.508	4.179

Phụ lục IV

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024
NGUỒN VỐN: NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG)**

(Kèm theo Nghị quyết số: 45/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Lũy kế khối lượng thực hiện từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Lũy kế giải ngân từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2024 đã giao	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch đầu tư công năm 2024 sau điều chỉnh, bổ sung	Lý do điều chỉnh, bổ sung
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn						Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
				Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương								
A	TỔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG) NĂM 2024					4.555.072		982.461		7.100	989.561		
I	Nguồn vốn bổ sung									7.100			
II	Phân bổ chi tiết nguồn vốn bổ sung					7.100		0		7.100	7.100		

a	Bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024 cho dự án					7.100				0		7.100	7.100	
*	Dự án chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án													
1	Xây dựng Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Lê Hồng Phong	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 27/6/2024	7.100		7.100	7.100				0		7.100	7.100	
B	ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG (TĂNG, GIẢM) KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024		3.651.293	821.681	1.854.575	500.411	88.031	98.200	121.212,300	64.233,300	64.233,300	121.212,300		
B.1	ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN		1.459.219	93.027	412.933	163.940	46.970	48.487	86.181,300	64.233,300		21.948,000		
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		12.298		12.298	12.298	6.408	7.925	4.613,000	240,000		4.373,000		

a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025												
*	Dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2024												
1	Xây dựng Nhà học bộ môn, phòng học Trường THPT Lương Phú	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 25/4/2023	7.353		7.353	7.353	6.125	6.125	1.375,000	147,000		1.228,000	Điều chỉnh cho phù hợp với tổng mức đầu tư của dự án
2	Xây dựng Nhà đa năng Trường THPT Khánh Hòa	Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 2838/QĐ-UBND ngày 11/11/2023; số 394/QĐ-UBND ngày 28/02/2024	4.945		4.945	4.945	283	1.800	3.238,000	93,000		3.145,000	Điều chỉnh cho phù hợp với tổng mức đầu tư của dự án

II	Y tế, dân số và gia đình		28.000		25.000	25.000	20.605	20.605	11.250,000	6.855,000		4.395,000	
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025												
*	Dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2024												
1	Nâng cấp Bệnh viện Tâm thần Thái Nguyên	Nghị quyết số 158/NQ-HĐND ngày 12/8/2021, Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 30/5/2022	28.000		25.000	25.000	20.605	20.605	11.250,000	6.855,000		4.395,000	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với kế hoạch trung hạn của dự án
III	Các hoạt động kinh tế		1.416.052	93.027	372.766	123.773	19.757	19.757	54.324	43.813		10.511	
III.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		27.021		27.021	27.026	16.897	16.897	10.124	3.608		6.516	
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025												

*	Dự án hoàn thành trong năm 2024												
1	Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Con, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công	Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 08/12/2022; Quyết định số 3267/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	12.026		12.026	12.026	7.547	7.547	4.479	2.441,000		2.038,000	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
2	Sửa chữa, khắc phục Kè Soi Quýt xã Tiên Phong, thị xã Phố Yên (nay là thành phố Phố Yên)	Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 2411/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	14.995		14.995	15.000	9.350	9.350	5.645	1.167,000		4.478,000	Dự án không còn nhu cầu bố trí vốn
III. 2	Cấp nước, thoát nước		1.389.031	93.027	345.745	94.747	2.860	2.860	39.200,000	35.205,000		3.995,000	

a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2026 - 2030												
*	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2024</i>												
1	Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Thái Nguyên	Quyết định số 3025/QĐ-UBND ngày 11/11/2016; Quyết định số 2303/QĐ-UBND ngày 11/10/2012; Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	950.488		252.717	3.995	0	0	9.200,000	5.205,000		3.995,000	Điều chỉnh giảm theo khối lượng thực tế thi công
*	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2024</i>												
1	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu trung tâm phía Nam thành phố Thái Nguyên	Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 27/5/2015	438.543	93.027	93.028	90.752	2.860	2.860	30.000,000	30.000,000		0	Chủ đầu tư đang đàm phán với Nhà thầu Agrea (Bi), báo cáo cấp có

													thâm quyền thực hiện điều chỉnh chủ trương, điều chỉnh dự án, dự kiến quý I/2025 sẽ thực hiện xong công tác phê duyệt điều chỉnh dự án.
III. 3	Hỗ trợ thực hiện chính sách và bổ sung các quỹ ngoài ngân sách; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn					2.000	0	0	5.000,000	5.000,000		0	
1	Hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp nông thôn theo Nghị định số 57/NĐ-CP; Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh Thái Nguyên					2.000	0	0	5.000,000	5.000,000		0	Điều chỉnh giảm do chưa có doanh nghiệp đáp ứng điều kiện hỗ trợ

IV	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội		2.869		2.869	2.869	200	200	2.750,000	81,000	2.669,000	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2026 - 2030											
*	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2024</i>											
1	Đầu tư xây dựng nhà làm việc Hạt kiểm lâm Phú Bình	Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 735/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	2.869		2.869	2.869	200	200	2.750,000	81,000	2.669,000	Điều chỉnh giảm cho phù hợp với tổng mức đầu tư của dự án
V	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật								13.244,30	13.244,30	0	

	Số vốn chuẩn bị đầu tư								13.244,30	13.244,30		0	
B.2	ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH VỐN		2.192.074	728.654	1.441.642	336.471	41.061	49.713	35.031		64.233,300	99.264	
I	Quốc phòng		20.000		20.000	20.000	200,00	50,00	10.950,000		5.000,000	15.950,000	
a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025												
*	Dự án khởi công mới năm 2024												
1	Rà phá bom mìn, vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025	Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 12/8/2021; Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 25/4/2022	20.000		20.000	20.000	200,00	50,00	10.950,000		5.000,000	15.950,000	Bổ sung kinh phí để thanh toán khối lượng hoàn thành của dự án trong năm 2024
II	An ninh và trật tự, an toàn xã hội		352.457,00	0,00	330.679,00	30.000,00	0	0	0		18.000,000	18.000,000	

1	Trường phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Định Hóa	Quyết định số 2874/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; Quyết định phê duyệt quyết toán số 05/QĐ-UBND ngày 04/01/2024	49.810	16.208	33.602	9.036,29 2	0	8.802	0	234,292	234,292	Bổ sung kinh phí đề tài toán dự án
IV	Các hoạt động kinh tế		1.697.291	712.446	984.845	245.417	40.861	40.861	24.081,000	39.999,008	64.080,008	
IV.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		1.070.195	712.446	357.749	195.417	40.861	40.861	24.081,000	18.608,000	42.689,000	
a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025											
*	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2024</i>											

1	Tuyến đường kết nối từ đường Bắc Sơn đến khu liên hợp thể thao tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 25/01/2024	489.188		489.188	30.000	0	0			10.000,000	10.000,000	Bổ trí vốn để chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và thực hiện công tác giải phóng mặt bằng
2	Dự án đường nối từ tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc đến đường Triệu Quang Phục, thành phố Phổ Yên	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 26/4/2024	137.908		137.908	20.000	0	0			11.391,008	11.391,008	Bổ trí vốn để chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và thực hiện công tác giải phóng mặt bằng
V	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội		72.516		72.516	32.017	0	0	0		1.000,000	1.000,000	
a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025												
*	Dự án chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án												
1	Xây dựng kho lưu trữ chuyên dụng của tỉnh và trụ sở làm việc trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Thái Nguyên	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 26/4/2024	72.516,00		72.516	32.017	0	0	0		1.000,000	1.000,000	Bổ trí vốn để chuẩn bị đầu tư dự án

Phụ lục V

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024
NGUỒN VỐN: THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SẮP XẾP LẠI NHÀ ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (CẤP TỈNH QUẢN LÝ)

(Kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Quyết định phê duyệt quyết toán				Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Lũy kế khối lượng thực hiện từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Lũy kế giải ngân từ đầu giai đoạn đến hết 31/01/2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2024 đã giao	Điều chỉnh, bổ sung		Kế hoạch đầu tư công năm 2024 sau điều chỉnh, bổ sung	Lý do điều chỉnh, bổ sung	Chủ đầu tư/ đơn vị thực hiện	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn						Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng				
				Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương										
	TỔNG SỐ		1.635.197	628.638	979.487	826.434,202	62.564,902	63.988,000	302.524,000	65.206,395	65.206,395	302.524,000			
A	ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN		1.072.651	628.638	444.013	431.022,573	58.690,000	60.488,000	302.524,000	65.206,395		237.317,605	-		
I	Các hoạt động kinh tế		1.072.651	628.638	444.013	431.023	58.690	60.488	300.919,000	63.601,395		237.317,605			

I.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		230.293	195.293	35.000	34.545,000	0	0	25.000,000	6.418,000		18.582,000			
a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025														
*	Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2024														
1	Bảo vệ và phát triển rừng sản xuất, phòng hộ, đặc dụng và nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025	Nghị quyết số 72/NQ - HĐN D ngày 21/6/2021 Nghị quyết số 43/NQ - HĐN D ngày 27/6/2024; Quyết định số 3217/	65.000	50.000	15.000	14.545,000	0	0	5.000,000	4.600,000		400,000	Dự án đang thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư để thực hiện quyết toán dự án theo quy định và phù hợp với thực tế	Chi cục Kiểm lâm	

*	<i>Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2024</i>															
1	Đường vành đai V đoạn qua khu vực tỉnh Thái Nguyên (Đoạn từ huyện Phú Bình nối với tỉnh Bắc Giang)	Nghị quyết số 79/NQ - HĐND ngày 21/6/2021; Quyết định số 3643/QĐ-UBND ngày 19/11/2021; số 2897/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	699.358	345.824	353.534	353.234,573	55.164	55.164	241.000,000	49.683,395		191.316,605	Điều chỉnh kế hoạch vốn cho phù hợp với tiến độ, khối lượng thực hiện và khả năng giải ngân vốn năm 2024	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Thái Nguyên		
L3	Công nghệ thông tin		20.000	0	20.000	20.000,000	1.202,000	3.000,000	14.000,000	1.500,000		12.500,000				

a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025													
*	Dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2024													
1	Dự án phát triển thông tin cơ sở giai đoạn 2021 - 2025	Nghị quyết số 168/N Q-HĐN D ngày 12/8/2021; Quyết định số 3003/QĐ-UBN D ngày 30/11/2022	20.000	20.000	20.000,000	1.202	3.000	14.000,000	1.500,000	12.500,000	Điều chỉnh giảm do tiết kiệm trong quá trình đấu thầu, lựa chọn nhà thầu theo khối lượng hoàn thành dự án đã nghiệm thu, đang hoàn thiện hồ sơ trình quyết	Sở Thông tin và Truyền thông		

1	Đường du lịch ven hồ Núi Cốc nối tuyến bờ Bắc - Nam (3km đường + xây mới 2 cầu)	Quyết định số 360/QĐ-HĐN D ngày 30/10/2015; số 2973a/QĐ-UBND D ngày 30/10/2015; số 3427/QĐ-UBND D ngày 29/12/2023	123.000	87.521	35.479	23.243	2.324	2.324	20.919,000	6.000,000		14.919,000	Hiện nay dự án đã hoàn thành, đang thực hiện rà soát lập hồ sơ quyết toán; khối lượng hoàn thành dự án giảm so với giá trị tổng mức đầu tư đã phê duyệt.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
II	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật								1.605,000	1.605,000		0			

	Số vốn chuẩn bị đầu tư								1.605,000	1.605,000		0			
B	ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH VỐN		562.546		535.474	395.412	3.875	3.500	0,00		65.206,395	65.206,395			
I	Quốc phòng		21.072		4.000	3.874,902	3.874,902	3.500,000	0,00		374,902	374,902			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025														
*	Dự án đã phê duyệt quyết toán														
1	Hạng mục còn lại Cơ quan Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên	Quyết định số 2570/QĐ-BTL ngày 30/11/2018; Quyết định phê duyệt Quyết toán số	21.072	17.072	4.000	3.874,902	3.874,902	3.500	0		374,902	374,902	Bổ sung kế hoạch để tất toán dự án	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	

1	Xây dựng 46 trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn	Nghi quyết số 10/NQ - HĐN D ngày 27/6/2024	352.457		352.457	300.679,000	0	0	0		48.000,000	48.000,000	Bổ trí vốn để chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và thực hiện công tác giải phóng mặt bằng	Giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết sau khi có quyết định phê duyệt dự án
III	Văn hóa		40.000		30.000	10.000	0	0	0		6.000,000	6.000,000		
a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025													

*	<i>Dự án chuyên tiếp, hoàn thành sau năm 2024</i>														
1	Cải tạo, sửa chữa Nhà trường nhiệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, (ATK Định Hóa), xã Phú Đình, huyện Định Hóa	Nghị quyết số 162/NQ-HĐN D ngày 12/8/2021; số 06/NQ - HĐN D ngày 25/01/2024; số 1303/QĐ-UBND D ngày 16/6/2022; số 496/QĐ-UBND D ngày 14/3/2024	40.000	30.000	10.000	0	0	0	0	6.000,000	6.000,000	Bổ sung kế hoạch vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành năm 2024	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch		

IV	Các hoạt động kinh tế		149.017		149.017	80.857,727	0	0	0		10.831,493	10.831,493			
IV.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		149.017		149.017	80.857,727	0	0	0		10.831,493	10.831,493			
a	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025														
*	Dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2024														

1	Cải tạo nâng cấp các hồ đập trên địa bàn tỉnh	Nghị quyết số 145/N Q-HĐN D ngày 12/8/2021; Quyết định số 3006/QĐ-UBND D ngày 30/11/2022	149.017	149.017	80.857,727	0	0	0	10.831,493	10.831,493	Bổ sung kế hoạch vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành năm 2024	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Thái Nguyên
---	---	--	---------	---------	------------	---	---	---	------------	------------	---	--

Phụ lục VI

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG, NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 45 /NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công năm 2024 vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương đã phê duyệt			Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2024 vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương						Kế hoạch đầu tư công năm 2024 vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương sau khi điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Tăng			Giảm			Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
					Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Tổng cộng	Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh				
	TỔNG SỐ	46.150	41.890	4.260	1.150	1.000	150	1.150	1.000	150	46.150	41.890	4.260	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.150	1.000	150				1.150	1.000	150	0	0	0	Vốn đã giao tại Phụ lục III và Phụ lục VI Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
-	Tiểu dự án 1, Dự án 5	1.150	1.000	150				1.150	1.000	150				
2	Huyện Định Hóa	45.000	40.890	4.110	1.150	1.000	150				46.150	41.890	4.260	